

## **SO SÁNH VĂN HÓA ĐÔNG Á VÀ ĐÔNG NAM Á**

### **(TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM - NHẬT BẢN)**

**GS.TSKH Vũ Minh Giang**

Theo cách phân chia thông thường hiện nay thì Việt Nam và Nhật Bản ở vào hai khu vực văn hoá khác nhau. Nhật Bản là một nước Đông á, còn Việt Nam thuộc Đông Nam á. Không dễ gì đem văn hoá thuộc hai khu vực khác nhau để so sánh, nhưng chúng ta lại rất cần đến nghiên cứu so sánh để có thể hiểu sâu thêm từng đối tượng và hiểu rộng thêm mối quan hệ giữa các đối tượng này. Mặt khác, sự phân chia thành các khu vực văn hoá, thực chất cũng chỉ là một cách làm của các nhà khoa học nhằm phân lập một cách tương đối một thực thể nào đó, chứ hoàn toàn không có nghĩa là chia cắt chúng một cách tuyệt đối. Hơn thế, do tác động của hoàn cảnh lịch sử, các dân tộc thuộc các khu vực văn hoá khác nhau lại có nhiều mối quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp, vì vậy so sánh để tìm ra những mối liên hệ, rút ra những điểm tương đồng và dị biệt lại là việc làm hết sức cần thiết và bổ ích. Nhật Bản và Việt Nam có thể coi là những trường hợp như thế. Hơn nữa, Việt Nam và Nhật Bản lại cùng chịu nhiều ảnh hưởng từ văn minh Trung Hoa, nên có không ít những điểm tương đồng, nhưng nếu nghiên cứu sâu hơn những biểu hiện của ảnh hưởng này lại tìm ra những khác biệt đáng kể.

Chọn Nhật Bản để so sánh, tác giả muốn đạt tới sự nhận thức sâu sắc hơn về văn hoá Việt Nam và qua đó, góp phần hiểu thêm về mối quan hệ Đông á và Đông Nam á.

Có nhiều phương pháp so sánh nhưng phương pháp được sử dụng trong bài này là so sánh theo tiêu chí. Theo chúng tôi có thể chọn 5 tiêu chí sau đây:

### 1. Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái.

Với nhận thức của khoa học ngày nay, điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái được coi là tác nhân cực kỳ quan trọng đến sáng tạo văn hoá của con người. Sự tác động qua lại giữa tự nhiên và con người là nhân tố chính tạo nên đặc trưng văn hoá.

### 2. Sự hình thành nhà nước đầu tiên.

Đây là sự kiện có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với mọi dân tộc vì sự xuất hiện nhà nước vừa là cái mốc bước nhảy vọt của một cộng đồng cư dân đưa họ bước vào thời đại văn minh vừa là sự kết tinh của những thành tựu về văn hoá đã đạt được trước đó, bước đầu định hình một bản sắc văn hoá.

### 3. Những đặc điểm về cư dân và đặc trưng văn hoá truyền thống.

Nói tới văn hoá, không thể không xem xét chính chủ thể của văn hoá, nên nguồn gốc, quá trình tộc người và đặc điểm của cả cộng đồng là những yếu tố không thể bỏ qua. Còn đặc trưng của văn hoá truyền thống ở đây là xét trên những đặc trưng chung nhất của 4 thành tố cấu thành văn hoá.

### 4. Các hình thức tổ chức nhà nước trong lịch sử.

Từ khi nhà nước hình thành, mặc dù là sản phẩm của văn hoá do chính con người tạo ra nhưng các hình thức tổ chức nhà nước có tác động rất mạnh mẽ đến chiều hướng phát triển của lịch sử và chi phối những đặc trưng của xã hội.

### 5. Ứng xử với văn hoá ngoại lai.

Văn hoá được sản sinh trong một không gian nhất định và giới hạn của nó thường là môi trường tự nhiên, nhưng văn hoá không bao giờ là đóng kín. Sự lan toả những giá trị của một nền văn hoá này tới những nền văn hoá khác là một hiện tượng tự nhiên, nhưng cách ứng xử trước hiện tượng tự nhiên ấy là phụ thuộc vào, và vì vậy, phản ánh đặc trưng của chính những nền văn hoá chịu những tác động ấy. Vì vậy đây có thể coi là một trong những tiêu chí để có thể xét sự tương đồng và khác biệt giữa các nền văn hoá.

Xét theo tiêu chí thứ nhất về điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái, có thể thấy Việt Nam là một bán đảo với diện tích tự nhiên hơn 33 vạn km<sup>2</sup> và hơn 3000 km bờ biển. Chỉ số duyên hải (ISCL) tính được » 106. Trong khi đó, Nhật Bản là một quần đảo với 3.600 hòn đảo lớn nhỏ quây quần xung quanh 4 hòn đảo lớn. Tổng diện tích tự nhiên » 377.000 km<sup>2</sup> và 29.000 km bờ biển, chỉ số ISCL » 13 (1).

Do địa hình dốc, mưa theo mùa tạo thành mạng lưới sông ngòi dày đặc (trên có tới gần 3.000 con sông lớn nhỏ), xoè theo hình nan quạt ở phía bờ biển. Do bồi lấp không hoàn chỉnh, vùng đồng bằng hay có úng lụt, tạo thành vùng sinh thái có nhiều mặt nước chiếm chỗ. Người Việt gọi Tổ quốc mình là nước.

Khí hậu Việt Nam tương đối đa dạng. ở miền Bắc có 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông rõ rệt. Miền Nam chia thành 2 mùa Khô và Mưa. Đặc điểm chung là nóng, ẩm, rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nhưng cũng là môi trường thuận lợi cho dịch bệnh. Cùng với chế độ nhiệt đới gió mùa, hằng năm có bão, thiên nhiên cũng đặt ra không ít những thử thách hiểm nghèo. Mưa, lũ, bão, ẩm, dịch bệnh là những thiên tai mà người Việt thường xuyên phải đối phó.

Do lãnh thổ trải dài trên 15 vĩ tuyến, lại có nhiều mạch núi cắt ngang, tạo thành nhiều ô khí hậu khác nhau mà rõ nhất là Bắc, Trung, Nam Bộ. Cùng với sự

đa dạng về địa hình, sự khác biệt về khí hậu là những yếu tố tự nhiên nên sự đa dạng, phong phú về văn hoá phân bố theo vùng, miền.

Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú, nhưng nhìn chung trữ lượng không cao. Ưu thế tài nguyên chủ yếu là đất. Nông nghiệp đã xuất hiện sớm và là ngành kinh tế chủ đạo trong suốt mọi thời kỳ lịch sử.

Một đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên Việt Nam là vị trí địa lí giao tiếp, là nơi giao lưu của nhiều dòng văn hoá và là nơi luôn bị tác động của khu vực và thế giới. Lãnh thổ quốc gia được mở rộng dần theo thời gian.

Tuy có diện tích tự nhiên rộng hơn, nhưng khác với Việt Nam, Nhật Bản có tới 75% diện tích là núi và 67% rừng xanh che phủ. Với lượng mưa không lớn (trung bình khoảng 300mm/năm) và do địa hình núi gần biển, Nhật Bản không có nhiều sông. 13 con sông được ghi trong các sách địa lý đều ngắn, nhỏ và nghèo phù sa. Nhật Bản hầu như không có đồng bằng châu thổ (2). Ngay cả những vùng được gọi là đồng bằng như vùng Kanto và Kansai, thực chất cũng chỉ là những thung lũng lớn được tạo thành bởi nham thạch của núi lửa. Nhật Bản có tới 200 núi lửa, 60 ngọn trong số đó vẫn còn đang hoạt động. Chính vì vậy mà biểu tượng của người Nhật là núi lửa Fuji. Cả nước có khoảng 300 thung lũng, bị chia cắt thành 7 vùng núi lửa.

Bù lại sự chật hẹp về đất đai cư trú và trồng trọt, Nhật Bản có hệ thống cảng biển dày đặc.

Khí hậu Nhật Bản có sự cách biệt khá xa. Có vùng lạnh như Siberi (đảo Hokkaido), lại có vùng ấm như Đông Nam á (Okinawa và các đảo cực nam). Quanh năm có 4 mùa rõ rệt nhưng độ ẩm không cao. Khí hậu nói chung không thật thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Trong khi đó, Nhật Bản được coi là nước thiên tai rất khắc nghiệt với sự hoành hành thường xuyên của động đất, lũ quét, sóng thần, bão biển và núi lửa.

Do địa hình chia cắt, văn hoá Nhật Bản có thể chia thành nhiều vùng - địa phương. Nghèo về tài nguyên (3) kể cả đất canh tác, Nhật Bản chỉ có khoảng 2,5 triệu ha đất có thể canh tác được nhưng chỉ trong một vụ xuân hè.

Nhật Bản nằm giữa biển, nhưng trong các giai đoạn lịch sử trước khi có sự xuất hiện của người châu Âu, vị trí địa lý của quần đảo tương đối cách biệt nên ít chịu tác động tự nhiên mà thường chủ động du nhập các yếu tố văn minh từ bên ngoài.

So với Việt Nam, Nhật Bản là nước có lãnh thổ tương đối ổn định. Qua những điều trình bày trên đây có thể rút ra một số nét tương đồng cũng như khác biệt về điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Những nét tương đồng có thể thấy qua những đặc điểm mang tính hình thức như diện tích tự nhiên (33 vạn/38 vạn km<sup>2</sup>), địa hình, khí hậu đa dạng với đủ các vùng rừng núi, đồng bằng và duyên hải. Cả hai quốc gia đều phải đối phó với những thiên tai hiểm nghèo... Phân tích sâu hơn những tham số tự nhiên thì thấy những điểm dị biệt là rất đáng kể. Trước hết đó là sự khác nhau giữa một bán đảo với một quần đảo, do đó chỉ số ISCL chênh nhau tới hơn 8 lần (13/106). Do đặc điểm này mà tác động của yếu tố biển tới đời sống văn hoá của mỗi dân tộc rất khác nhau. Sự khác biệt còn thể hiện ở mức độ thuận lợi và thử thách do thiên nhiên đem lại như khắc nghiệt của thiên tai, sự phong phú giàu có về tài nguyên và ảnh hưởng của vị trí địa lý.

Trong tiêu chí thứ hai: cư dân và đặc trưng văn hoá, Việt Nam luôn được nhận diện như một quốc gia đa tộc người, ít nhất có tới 54 tộc người với ngôn ngữ và truyền thống văn hoá khác nhau, nhưng có một dân tộc chủ thể là người Kinh (hay Việt).

Đặc trưng văn hoá Việt được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài do tác động của nhiều nhân tố, nhưng về đại thể có thể coi những nhân tố sau đây có vai trò tác động chính yếu:

- Tác động của môi trường “nước”. Do tác động này mà hình thành các dạng thức văn hoá sông - nước với những tính cách của cư dân ở gần/trên sông, nước (can đảm, linh hoạt, mềm dẻo, dễ thích ứng, giỏi xử lí tình huống...).

- Tác động của hoàn cảnh lao động sản xuất (nông nghiệp trồng lúa nước). Trong quá trình chinh phục đồng bằng châu thổ, đắp đê, điều tiết nước để sản xuất và hợp lực phòng chống lũ lụt, người Việt cần tới sức mạnh cộng đồng. Làng, một loại hình tụ cư đậm tính cố kết trở thành hội điểm của rất nhiều đặc trưng văn hoá. Trong bảng giá trị truyền thống, đoàn kết (cố kết cộng đồng), hiếu với cha mẹ (gia đình hạt nhân là tế bào xã hội) và trọng lão (trọng kinh nghiệm) luôn là những chuẩn mực được đề cao. Nhưng cũng do hoàn cảnh sản xuất mà người nông dân Việt không quen hạch toán và lường tính xa. Bình quân (chia đều) trở thành một phương thức hữu hiệu duy trì mối quan hệ hoà đồng trong làng xã.

- Tác động của hoàn cảnh lịch sử mà nổi bật là phải thường xuyên đối phó với chiến tranh xâm lược. Tác động này đã tạo nên truyền thống bất khuất kiên cường, có ý thức độc lập tự chủ cao. Đồng thời cũng chính do tác động này mà thiết chế cộng đồng được gia cố thêm.

Về tôn giáo, tín ngưỡng, người Việt coi trọng đạo thờ cúng tổ tiên. Trong quá trình tiếp xúc với văn minh Trung Hoa, Ấn Độ và phương Tây, Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo lần lượt được du nhập vào Việt Nam. Các tôn giáo ngoại lai và các loại hình tín ngưỡng bản địa đã dung hợp nhau cùng tồn tại và phát triển. Việt Nam trở thành một xứ sở hỗn dung tôn giáo.

Khác với Việt Nam, Nhật Bản là một quốc gia thuần chủng, có bản sắc chung rất rõ nét. Trong kết cấu cư dân hiện nay, 99,4% dân số là người Nhật, bộ phận

những cư dân khác còn lại chỉ chiếm 0,6% (gồm 600.000 người Triều Tiên, 40.000 người Trung Quốc và khoảng 20.000 Ainu). Quá trình “thuần chủng hoá” này đã diễn ra trong một quá trình lịch sử lâu dài trong điều kiện quần đảo Nhật Bản sống tương đối tách biệt với thế giới bên ngoài. Địa hình bị chia cắt bởi núi non, thung lũng và đảo dẫn tới sự hình thành nhiều dạng thức văn hoá địa phương. Người ta đã từng chia Nhật Bản thành 6 vùng văn hoá là Bắc hải đạo (đảo Hokkaido), Bắc lục đạo (vùng núi phía bắc, giáp biển Nhật Bản, chủ yếu là các tỉnh Nigata, Kanazawa), Đông hải đạo (vùng đồng bằng Kanto), Kinki (vùng đồng bằng Kansai), Tây hải đạo (đảo Kyushu), Nam hải đạo (đảo Shinkoku và các đảo phía nam).

- Xét về tác động của môi trường có thể thấy biển, núi, thung lũng, khí hậu ôn đới, núi lửa và động đất là những nhân tố tự nhiên tác động mạnh mẽ và thường xuyên đến quá trình hình thành văn hoá truyền thống Nhật Bản. Do tác động đó mà tính cách Nhật Bản cứng rắn, tiết kiệm, trung thành với các giá trị truyền thống và rất cầu toàn. Vị trí địa lý tương đối biệt lập (của cả quần đảo và của từng vùng) đã tạo nên tính cách đóng kín nhưng lại luôn có mặc cảm “bị bỏ rơi” nên luôn mong muốn hội nhập và học tập cái hay ở người khác.

- Về hoàn cảnh lịch sử, có thể thấy trong suốt thời kỳ trung đại, ngoại trừ hai lần tấn công xâm lược nhưng không thành của quân Mông - Nguyên, Nhật Bản hầu như không phải đối phó với ngoại xâm. Thay vì các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc, nội chiến giữa các thế lực phong kiến địa phương diễn ra tương đối thường xuyên và kết cục dẫn đến sự hình thành thiết chế Mạc phủ mà thực chất là sự thống trị của chính quyền quân sự, đứng đầu là các dòng họ Shogun (Tướng quân) song song với sự tồn tại phần nhiều trên danh nghĩa một chính quyền dân sự do Thiên hoàng (Teno) đứng đầu. Hoàn cảnh lịch sử này đã tạo nên tính kỉ luật, đề cao vai trò người chỉ huy. Chuẩn mực đạo đức là đề cao giữ chữ tín. Sự phát triển mạnh mẽ của các phong kiến địa phương tại mỗi thung lũng đã dẫn tới sự